

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO THEO ĐẶC THÙ ĐƠN VỊ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: KẾ TOÁN, PHÂN TÍCH VÀ KIỂM TOÁN

MÃ SỐ: 7340303QTD

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN, ngày tháng năm 2019
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
 - + Tiếng Anh: Accounting, Analyzing and Auditing
- Mã số ngành đào tạo: 7340303QTD
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kế toán, Phân tích và Kiểm toán
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Accounting, Analyzing and Auditing
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo những cử nhân với kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để tác nghiệp trong lĩnh vực kế toán, phân tích và kiểm toán.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Cung cấp kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, kiến thức chuyên sâu về kế toán và kiểm toán;

- Xây dựng kỹ năng nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu;
- Phát triển năng lực xử lý, phân tích thông tin và tổng hợp các dữ liệu kế toán; phân tích và dự báo về tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung, có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán tại Việt Nam và nước ngoài;
- Có khả năng làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế;
- Cung cấp khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

3. Thông tin tuyển sinh

Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và theo Đề án tuyển sinh được phê duyệt hàng năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

Tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; vận dụng kiến thức chuyên ngành và hiểu biết về hoạt động thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; và có các kiến thức cụ thể theo các nhóm sau:

1.1. Kiến thức chung

- Hiểu kiến thức và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng, có giác ngộ chính trị và lập trường giai cấp vững vàng;
- Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương từ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Vận dụng được nhận thức của mình về nền tảng khoa học kinh tế và quản lí, đặc biệt là toán học ứng dụng trong quản lí kinh tế như: Toán cao cấp, Lí thuyết xác suất và thống kê toán, Toán kinh tế làm nền tảng cho việc nghiên cứu các học phần chuyên ngành và phân tích các vấn đề kinh tế trong thực tế làm việc;
- Hiểu vai trò của lĩnh vực kinh tế, tài chính trong đời sống xã hội, đặc biệt là trong thời đại kĩ thuật số, hội nhập và toàn cầu hóa.

1.3. Kiến thức của khối ngành

- Vận dụng và có khả năng vận dụng các học thuyết và quy luật kinh tế, cách thức vận hành của thị trường, vai trò và tác động của chính phủ đối với nền kinh tế để phân tích, ra quyết định kinh doanh, đầu tư;
- Vận dụng được những vấn đề cơ bản, cốt lõi của Luật pháp và đạo đức kinh doanh vào thực tiễn công tác.

1.4. Kiến thức của nhóm ngành

- Phân tích được các hoạt động tài chính, kế toán của doanh nghiệp, Hiểu được mục tiêu và vai trò quan trọng của kiểm soát nội bộ trong kiểm toán, cách thức thực hiện một cuộc kiểm toán;
- Phân tích được sự vận hành của tài chính và ngân hàng, các nhân tố quyết định tới giá cả của các tài sản tài chính, lãi suất, tiền tệ và lạm phát, các nhân tố quyết định tới giá cả của các tài sản tài chính, lãi suất, tiền tệ và lạm phát;
- Hiểu về vai trò của thống kê trong việc phân tích dữ liệu kinh tế và đưa ra quyết định kinh doanh, biết vận dụng phương pháp và kĩ thuật thích hợp để giải quyết các vấn đề thực tế: làm dự báo, phân tích số chỉ số và quyết định.

1.5. Kiến thức ngành

- Vận dụng tốt các nguyên lí kế toán, quy luật và nguyên tắc của ngành kế toán và kiểm toán; các phương pháp phân tích. Áp dụng kiến thức về ngành kế toán và

kiểm toán trong các doanh nghiệp trong nước và quốc tế; áp dụng các phương pháp phân tích vào thực tế;

- Hiểu lịch sử phát triển, các phương pháp, kỹ thuật xây dựng tài liệu của hệ thống thông tin kế toán, kiểm soát nội bộ cũng như vấn đề về đạo đức nghề nghiệp và an ninh trong thời đại số hóa;

- Biết hạch toán kế toán, lập các báo cáo tài chính cho các tổ chức, doanh nghiệp, nắm bắt các vấn đề liên quan đến kế toán môi trường và xã hội cũng như tác động của toàn cầu hóa đối với kế toán;

- Vận dụng các vấn đề liên quan đến kế toán quản trị và sự phát triển của kế toán quản trị trong bối cảnh liên ngành, các thông tin tài chính và thông tin khác cho các nhà quản lý doanh nghiệp dùng trong quá trình lập kế hoạch, điều hành và đo lường hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;

- Phân tích có phê phán các vấn đề kế toán và kiểm toán, các vấn đề về quản trị rủi ro và đầu tư, thuế; đưa ra các giải pháp phù hợp trong bối cảnh thực tế của doanh nghiệp và thị trường trong nước và quốc tế;

- Hiểu biết và vận dụng tốt các công cụ phân tích cơ bản hữu ích trong việc kiểm tra các vấn đề hoạt động kinh doanh. Bổ sung sự hiểu biết về các dịch vụ, sản xuất, quản trị chất lượng, và chiến lược kinh doanh;

- Hiểu rõ mô hình tổ chức và quy trình hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; Có khả năng áp dụng thành thạo các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn nghề nghiệp; Bước đầu có khả năng thích ứng với môi trường làm việc nhiều áp lực áp và ứng dụng linh hoạt các kỹ năng làm việc chuyên môn của môi trường kinh doanh thực tế.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ

năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Có kỹ năng xử lý dữ liệu: Phân tích các số liệu thống kê đơn giản với một số phần mềm chuyên dụng (Excel/R) và giải thích các kết quả tạo ra từ các phần mềm này; Áp dụng các phương pháp và mô hình toán kinh tế vào giải quyết các bài toán kinh tế thực tiễn;

- Có kỹ năng phân tích, dự báo, khuyến nghị trước các vấn đề kinh tế, tài chính, kế toán: Sử dụng các phương pháp toán học, các công cụ định lượng và định lượng mới trong phân tích các mô hình kinh tế vi mô, vĩ mô; Giải nghĩa, phân tích mang tính phê phán và đánh giá các vấn đề trong quản lý kinh tế nói chung, quản lý danh mục đầu tư và đánh giá hiệu quả đầu tư, tích chứng khoán đối với ngành, thị trường và nền kinh tế nói riêng; Tính toán các chỉ số tài chính, tín dụng, tiền tệ như: tính toán lãi suất, xác định giá của các tài sản tài chính rủi ro, xác định tỷ giá hối đoái, xác định cung tiền tệ... Phân tích rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát, rủi ro phát hiện, trọng yếu, đánh giá bằng chứng kiểm toán; xác định chiến lược kiểm toán và kế hoạch kiểm toán;

- Kỹ năng sử dụng các phần mềm kế toán, kiểm toán chuyên dụng : Thiết lập và tổ chức dữ liệu kế toán, lập sổ sách, biểu mẫu kế toán; Lập và phân tích báo cáo tài chính;

- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) phục vụ công việc.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Có khả năng phát hiện, nhận thức, phân tích, bày tỏ chính kiến về vấn đề đang diễn ra. Có năng lực tư duy và lập luận logic, khoa học trong việc giải quyết các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ và đề xuất, tiến hành triển khai các phương án giải quyết vấn đề chuyên môn;

- Bước đầu biết liên kết nhiều nguồn lực khác nhau trong xu hướng liên ngành để thúc đẩy việc giải quyết vấn đề một cách hiệu quả.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Tìm kiếm, sưu tập, phân tích tài liệu kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán một cách thành thạo;

- Chủ động trong việc ứng dụng kiến thức mới, công nghệ mới vào công việc;

- Bước đầu có cách nhìn phản biện, phê phán với các kiến thức hiện tại và nghiên cứu ứng dụng nghiên cứu vào thực tiễn.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Hệ thống hóa các lí thuyết cơ bản liên quan đến chuyên ngành, tư duy chỉnh thể/ logic, tư duy phân tích đa chiều có so sánh, đối chiếu với các vấn đề khác;

- Kết hợp các kiến thức liên ngành để phát hiện vấn đề, mối tương quan giữa các vấn đề và tìm ra xu hướng phát triển của lĩnh vực nghiên cứu;

- Xác định vấn đề ưu tiên và tìm ra cách giải quyết.

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Đánh giá bối cảnh hoạt động thông qua việc nhận diện các yếu tố tác động từ bên ngoài xã hội;

- Lập kế hoạch và tìm phương án thích ứng với những biến đổi và đòi hỏi của công việc, tận dụng được kiến thức, kĩ năng của cá nhân để phát triển;

- Hiểu được ảnh hưởng của ngành nghề đến xã hội và các yêu cầu của xã hội về ngành nghề, hiểu được các ràng buộc đến từ văn hóa dân tộc, bối cảnh lịch sử, các giá trị thời đại và bối cảnh toàn cầu đối với nghề nghiệp của mình.

2.1.6. Bối cảnh tổ chức

- Nhận thức về bối cảnh của tổ chức (văn hóa tổ chức, chiến lược phát triển, mục tiêu, kế hoạch tổ chức...) và biết thích ứng với yêu cầu công việc trong các mô hình tổ chức khác nhau (doanh nghiệp nhà nước, liên doanh, công ty cổ phần, tổ chức phi chính phủ...).

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn

- Có kỹ năng khả năng vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng được đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp, khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật và công cụ lao động của nghề, khả năng phát hiện và quyết hợp lý các vấn đề trong nghề nghiệp;

- Tổng kết được các bài học về nghề nghiệp cho bản thân rút ra trong thực tiễn trên cơ sở đối chiếu với kiến thức đã được trang bị.

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Có khả năng nghiên cứu và đề xuất các khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghề nghiệp hoặc dẫn dắt các sự thay đổi đó;

- Cập nhật và dự đoán xu thế phát triển ngành nghề và khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật và công cụ lao động mới;

- Khả năng chuẩn bị để tiếp tục tự đào tạo, hoặc tham gia các khóa đào tạo nâng cao sau đại học, hoặc các khóa đào tạo ngành gần trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

- Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc. Có kỹ năng hội nhập và học tập suốt đời;

- Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý. Kỹ năng làm việc dưới áp lực thời gian và thời hạn hoàn thành công việc, kỹ năng quan sát và học hỏi từ thực tiễn, từ kinh nghiệm của những cá nhân khác để học tập suốt đời;

- Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.

2.2.2. Làm việc theo nhóm

- Chủ động, tích cực trong khi làm việc cùng ekip để hoạch định và tổ chức hoạt động nhóm, lãnh đạo và tạo động lực cho nhóm, duy trì hoạt động phát triển nhóm và các kỹ năng làm việc trong nội bộ nhóm và với các nhóm khác;

2.2.3. Quản lý và lãnh đạo

- Biết lập mục tiêu hoạt động, phân công nhiệm vụ trong đơn vị, hướng dẫn hoạt động, tạo động lực cho từng cá nhân;

- Có khả năng kiểm soát và đánh giá hoạt động của nhóm;
- Biết đàm phán, thuyết phục và ra quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp.

2.2.4. *Kỹ năng giao tiếp*

- Sắp xếp được ý tưởng, nội dung giao tiếp;
- Giao tiếp được bằng văn bản, qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông;
- Có kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp với các cá nhân và tổ chức để phục vụ hoạt động chuyên môn.

2.2.5. *Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu và phân tích được một bài báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng thành thạo ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý các tình huống chuyên môn; có thể viết được báo cáo có nội dung phức tạp, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

2.2.6. *Các kỹ năng bổ trợ khác*

- Tin học và công nghệ thông tin: sử dụng thành thạo các phần mềm thông dụng (WORD, EXCEL, POWER POINT, SPSS...) và các phần mềm chuyên dụng khác.

3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng sau đây:

- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Hướng dẫn giám sát người khác trong việc phân tích dữ liệu và kinh doanh;
- Tự phê, tự định hướng, tự rút kinh nghiệm và có thể bảo vệ được quan điểm ý kiến cá nhân;
- Lập kế hoạch, điều phối quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động;
- Nghiên cứu cải tiến các hoạt động mình tham gia.

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Sẵn sàng đương đầu với khó khăn;
- Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo;
- Cảm thông, chia sẻ với đồng nghiệp;
- Chính trực, tự tin, linh hoạt, phản biện, sáng tạo.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Công bằng, trung thực và trách nhiệm;
- Tác phong làm việc chuyên nghiệp, chủ động, độc lập;
- Có ý thức bảo vệ môi trường, có thái độ nghiêm túc, nhiệt tình với công việc.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;
- Có trách nhiệm xã hội, ủng hộ và bảo vệ cái đúng và sự phát triển đổi mới;
- Đấu tranh cho công bằng, dân chủ, văn minh của xã hội.

5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên làm việc tại các công ty kiểm toán độc lập, cơ quan kiểm toán nhà nước hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ ở các doanh nghiệp;
- Chuyên viên kế toán, kiểm toán, phân tích tài chính trong các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cơ quan tài chính, cục thuế, kho bạc, ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty kiểm toán;
- Tham gia vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính;
- Hành nghề độc lập như một chuyên gia tư vấn về kế toán, kiểm toán, thuế, đầu tư.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học tập về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến ngành đào tạo;

- Có thể tiếp tục đăng kí học tiếp bậc học cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) cùng ngành hoặc các ngành gần, tham gia các dự án nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực liên quan.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH KẾ TOÁN, PHÂN TÍCH VÀ KIỂM TOÁN

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: <i>(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)</i>	145 tín chỉ
- Khối kiến thức chung: <i>(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)</i>	21 tín chỉ
- Khối kiến thức theo lĩnh vực:	23 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành:	08 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành:	37 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	33 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	04/08 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành:	56 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	38 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	08/18 tín chỉ
+ Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:	10 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần <i>(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)</i>	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung <i>(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)</i>		21				
1	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15	0	
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	20	10	0	PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	0	

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
4	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary Guidelines of Vietnam Communist Party</i>	2	20	10	0	
5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	20	10	0	
6	FLF1107	Tiếng Anh B1 (*) <i>English B1</i>	5	20	35	20	
7	FLF1108	Tiếng Anh B2 (*) <i>English B2</i>	5	20	35	20	
8		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
9		Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		23				
10	INS1018	Định hướng học tập và nghề nghiệp <i>Career and University Orientation</i>	2	10	20	0	
11	INS1014	Tiếng Anh học thuật 1 <i>English for Academic Purposes 1</i>	4	30	30	0	
12	INS1016	Tiếng Anh chuyên ngành 1 <i>English for Specific Purposes 1</i>	4	30	30	0	
13	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28	0	
14	MAT1092	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	4	42	18	0	
15	MAT1004	Lí thuyết xác suất và thống kê toán <i>Theory of Probability and Mathematical Statistics</i>	3	30	15	0	
16	MAT1005	Toán kinh tế <i>Mathematics for Economics</i>	3	30	15	0	MAT1004
III	Khối kiến thức theo khối ngành		08				
17	THL1057	Pháp luật đại cương <i>Introduction to Law</i>	2	24	6	0	

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
18	INE1050	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	36	9	0	
19	INE1051	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	36	9	0	
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		37				
IV.1	Các học phần bắt buộc		33				
20	INS2019	Tổ chức và quản trị kinh doanh <i>Business Organization and Management</i>	3	36	9	0	INE1050
21	INS2009	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	4	36	24	0	
22	INS2003	Nguyên lý Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	36	9	0	
23	INS2004	Thống kê kinh tế <i>Economic Statistics</i>	3	30	15	0	MAT1004
24	INS2015	Tài chính căn bản <i>Fundamentals of Finance</i>	3	30	15	0	INE1051
25	INS2008	Tiền tệ, tín dụng, ngân hàng <i>Monetary, Credit and Banking</i>	3	36	9	0	INE1051
26	INS2011	Luật kinh tế <i>Business Law</i>	3	36	9	0	THL1057 INE1051
27	INS2109	Kế toán quản trị <i>Managerial Accounting</i>	3	30	15	0	INS2009
28	INS2016	Rủi ro và phân tích rủi ro <i>Risk and risk analysis</i>	3	30	15	0	INS2015
29	INS3009	Khởi nghiệp <i>Entrepreneurship</i>	3	36	9	0	INS2019
30	MNS1052	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	2	18	12	0	INS1016
IV.2	Các học phần tự chọn		04/08				
IV.2.1	Nhóm 1		02/04				
31	INS2022	Môi trường xã hội, đạo đức, pháp lí trong kinh doanh <i>Legal, Ethical, Social Environment of Business</i>	2	27	3	0	THL1057
32	INS1003	Tính toán tài chính <i>Mathematics for Finance</i>	2	18	12	0	MAT1004

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
IV.2.2	Nhóm 2		02/04				
33	SOC1050	Xã hội học đại cương <i>Introduction to Sociology</i>	2	24	6	0	
34	INS2005	Kinh tế quốc tế <i>International economics</i>	2	27	3	0	INE1051
V	Khối kiến thức ngành		56				
V.1	Các học phần bắt buộc		38				
35	INS3007	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	30	15	0	INS2015
36	INS2104	Hệ thống thông tin kế toán <i>Accounting Information Systems</i>	3	24	21	0	INT1004 INS2009
37	INS3010	Thuế <i>Taxation</i>	2	18	12	0	INS2015 INS2009
38	INS3001	Kế toán tài chính 1 <i>Financial Accounting 1</i>	3	30	15	0	INS2009
39	INS3002	Kế toán tài chính 2 <i>Financial Accounting 2</i>	4	45	15	0	INS3001
40	INS3016	Thực hành kế toán trên máy tính <i>Computerized Accounting</i>	3	0	45	0	INS3002
41	INS3012	Kiểm toán căn bản <i>Fundamental Auditing</i>	3	30	15	0	INS2009
42	INS3013	Kiểm toán tài chính 1 <i>Financial Auditing 1</i>	3	27	18	0	INS3012 INS3002
43	INS3014	Kiểm toán tài chính 2 <i>Financial Auditing 2</i>	3	27	18	0	INS3013
44	INS3030	Phân tích báo cáo tài chính <i>Financial Report Analysis</i>	3	30	15	0	INS2009 INS2015
45	INS3005	Phân tích hoạt động kinh doanh <i>Business Analysis</i>	4	45	15	0	INS2019 INS2015
46	INS2052	Nhập môn khai phá dữ liệu và phân tích kinh doanh <i>Introduction to Data Mining and Business Analytics</i>	4	30	15	0	MAT1004 INS2104
V.2	Các học phần tự chọn		08/18				
V.2.1	Nhóm 1		04/10				
47	INS3017	Kế toán quốc tế <i>International Accounting</i>	2	18	12	0	INS2009

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
48	INS3015	Lịch sử ngành kế toán <i>History of Accounting</i>	2	24	6	0	INS2009
49	INS3031	Kế toán Việt Nam <i>Vietnamese Accounting Practices</i>	2	18	12	0	INS3002
50	INS3116	Kiểm toán nội bộ <i>Internal Auditing</i>	2	18	12	0	INS3012
51	INS3115	Các chuẩn mực kiểm toán quốc tế <i>International Auditing Standards</i>	2	21	9	0	INS3012
V.2.2	Nhóm 2		04/08				
52	INS2012	Phân tích đầu tư <i>Investment Analysis</i>	2	21	9	0	INS2015
53	INS3025	Quản trị đổi mới <i>Innovation Management</i>	2	21	9	0	INS2019
54	BSA1055	Văn hoá kinh doanh <i>Business Culture</i>	2	24	6	0	
55	SPY1050	Tâm lí học đại cương <i>Introduction to Psychology</i>	2	24	6	0	
V.3	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		10				
56	INS4001	Thực tập thực tế <i>Internship</i>	5	0	75	0	
57	INS4011	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	5				
	<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>						
58	INS4019	Quản trị hiệu quả hoạt động <i>Performance Management</i>	3	30	15	0	INS2109
59	INS4007	Lập báo cáo tài chính <i>Financial Report Formulation</i>	2	12	18	0	INS3002
Tổng cộng			145				

Ghi chú:

- (*) Sinh viên tự tích lũy các học phần Tiếng Anh B1, B2 và phải đạt trình độ B2 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu (tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trước khi học các học phần thuộc khối kiến thức theo nhóm ngành và ngành;

Chương trình được giảng dạy bằng tiếng Anh, trừ các học phần thuộc Khối kiến thức chung được giảng dạy bằng tiếng Việt.